

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672009 - Đồ án về kỹ thuật xây dựng
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Anh	Tuấn	3671030031	06/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992	,00	6,60	6,60	
3	Trần Anh	Vũ	3671030046	01/02/1994	,00	7,30	7,30	
4	Hồ Quốc	Bảo	3671030049	14/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
5	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
6	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994	,00	,00	,00	
7	Văn Công Tuấn	Anh	3671030072	07/05/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
8	Đỗ Nhựt	Minh	3671030096	14/09/1994	,00	5,80	5,80	
9	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	,00	7,10	7,10	
10	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994	,00	5,80	5,80	
11	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	,00	6,90	6,90	
12	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994	,00	6,20	6,20	
13	Lê Hạnh	Toàn	3671030114	06/08/1994	,00	,00	,00	
14	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	,00	6,50	6,50	
15	Lê Đức	Huy	3671030122	12/02/1993	,00	6,70	6,70	
16	Nguyễn Bảo	Quốc	3671030138	17/10/1994	,00	6,80	6,80	
17	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994	,00	5,70	5,70	
18	Nguyễn Nhật	Nam	3671030154	20/11/1994	,00	,00	,00	
19	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
20	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	,00	5,80	5,80	
21	Ngô Đình	Hưng	3671030175	02/01/1992	,00	7,20	7,20	
22	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
23	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994	,00	6,80	6,80	
24	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993	,00	7,10	7,10	
25	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	,00	7,10	7,10	
26	Nguyễn Thanh	Tinh	3671030219	14/09/1991	,00	,00	,00	Nợ HP
27	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	,00	6,70	6,70	
28	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
29	Bùi Phan Tín	Đông	3671030227	24/08/1994	,00	6,50	6,50	
30	Phạm Chí	Hướng	3671030229	10/12/1994	,00	7,20	7,20	
31	Phạm Duy	Tuấn	3671030241	09/03/1994	,00	7,10	7,10	
32	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	,00	,00	,00	
33	Phạm An	Khang	3671030256	05/09/1994	,00	6,10	6,10	
34	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992	,00	6,80	6,80	
35	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	,00	6,10	6,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
37	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	,00	5,70	5,70	
38	Nguyễn Thị	Nết	3671030286	11/10/1994	,00	6,80	6,80	
39	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
40	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994	,00	6,70	6,70	
41	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991	,00	7,20	7,20	
42	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	,00	,00	,00	
43	Trương Hoài	Trưởng	3671030301	09/08/1994	,00	7,40	7,40	
44	Nguyễn Quốc	Trung	3671030303	27/09/1994	,00	7,00	7,00	
45	Nguyễn Tấn	Thức	3671030305	15/06/1994	,00	5,50	5,50	
46	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	,00	6,00	6,00	
47	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	,00	7,10	7,10	
48	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	,00	6,30	6,30	
49	Phan Minh	Thơ	3671030315	01/03/1994	,00	6,10	6,10	
50	Lê Hoàng	Sa	3671030319	22/04/1994	,00	6,10	6,10	
51	Ngô	Hiếu	3671030322	02/06/1993	,00	5,90	5,90	
52	Dương Thế	Huynh	3671030324	08/12/1994	,00	6,50	6,50	
53	Nguyễn Thành	Thiên	3671030326	01/04/1981	,00	6,80	6,80	
54	Trà Quốc	Bảo	3671030327	04/07/1994	,00	6,00	6,00	
55	Nguyễn Huỳnh	Đoàn	3671030330	06/10/1994	,00	6,70	6,70	
56	Huỳnh Ngọc Thanh	Hoàng	3671030331	23/02/1994	,00	6,60	6,60	
57	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
58	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	3671030340	01/07/1994	,00	6,40	6,40	
59	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994	,00	7,20	7,20	
60	Phạm Quốc	Thịnh	3671030346	10/05/1994	,00	7,00	7,00	
61	Nguyễn Thái Anh	Tuấn	3671030349	02/04/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
62	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993	,00	6,00	6,00	
63	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	,00	4,20	4,20	
64	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	,00	4,80	4,80	
65	Huỳnh Trí	Tài	3671030361	22/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
66	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994	,00	5,00	5,00	
67	Võ Hoàng Anh	Thư	3671030378	04/02/1994	,00	6,50	6,50	
68	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00	,00	,00	
69	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	,00	5,80	5,80	
70	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	,00	6,60	6,60	
71	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
72	Lưu Thanh	Tài	3671030399	07/03/1994	,00	,00	,00	
73	Đinh Văn	Nam	3671030401	10/05/1993	,00	6,00	6,00	
74	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
75	Nguyễn Phúc	Hậu	3671030409	14/10/1994	,00	6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	,00	,00	,00	
77	Nguyễn Đắc	Lưu	3671030417	03/01/1994	,00	6,60	6,60	
78	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994	,00	6,80	6,80	
79	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	,00	5,80	5,80	
80	Lâm Minh	Đương	3671030446	18/06/1994	,00	6,00	6,00	
81	Trần Ngọc	Đại	3671030447	17/07/1994	,00	7,30	7,30	
82	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994	,00	6,60	6,60	
83	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	,00	,00	,00	
84	Trần Quang	Minh	3671030461	27/08/1994	,00	6,50	6,50	
85	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	,00	,00	,00	
86	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	,00	,00	,00	
87	Nguyễn Hoài	Sơn	3671030485	18/01/1994	,00	6,30	6,30	
88	Trần Minh	Bảo	3671030488	03/10/1994	,00	,00	,00	
89	Hà Chí	Thành	3671030491	17/06/1994	,00	6,00	6,00	
90	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	,00	5,00	5,00	
91	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	,00	4,80	4,80	
92	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994	,00	6,60	6,60	
93	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994	,00	7,30	7,30	
94	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
95	Nguyễn Văn	Tĩnh	3671030518	04/06/1994	,00	6,70	6,70	
96	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994	,00	6,50	6,50	
97	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	,00	4,70	4,70	
98	Ngô Viết	Lâm	3671031630	15/02/1990	,00	,00	,00	Nợ HP
99	Châu Quang	Đại	3671031851	15/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
100	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994	,00	5,70	5,70	
101	Nguyễn Văn	Rớt	3671031864	09/02/1994	,00	7,70	7,70	
102	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994	,00	,00	,00	
103	Huỳnh	Phước	3671031913	10/07/1994	,00	6,20	6,20	
104	Nguyễn Hoàng	Nam	3671031936	17/11/1994	,00	6,50	6,50	
105	Bùi Hòa	Bình	3671031943	08/09/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
106	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
107	Biện Văn	Chính	3671031979	10/12/1994	,00	5,80	5,80	
108	Huỳnh Quốc	Đạt	3671032025	21/11/1994	,00	6,70	6,70	
109	Nguyễn Thành	Dôn	3671032034	20/05/1994	,00	,00	,00	
110	Ngô Hồng	Kha	3671032053	13/11/1993	,00	5,70	5,70	
111	Nguyễn Hồ Vũ	Cường	3671050415	05/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP

Học phần : 0672009 - Đồ án về kỹ thuật xây dựng
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)